TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2022.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Lom.

Bà Trần Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên toà:* bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim O - sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp DĐ, xã NLP, huyện CL, tỉnh TV. Số điện thoại: 0789.569.924. có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T - Sinh năm: 1994; địa chỉ: 407/56 ấp LB, xã PS, huyện CL, tỉnh BT. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn (bà O) trình bày: Vào ngày 26/02/2014, bà O với ông T tự nguyện tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã PS. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ăn nhậu về nhà chửi mắn đánh đập vợ con, làm cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gỗ, không ai quan tâm ai, không có tiếng nói chung. Sự việc xảy ra cả gia đình hai bên đều biết, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay mà không hàn gắn được.

Nay bà O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: quá trình sống chung bà O và ông T có tạo ra một người con chung tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 03/11/2015, hiện đang sống với bà O. Khi ly hôn bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà O khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn đối với bị đơn là ông T mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp, tống đạt Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà O và ông T đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1]. Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn gia đình, bà O có đơn yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông T nên đây là vụ kiện: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T hiện đang cư trú tại ấp LB, xã PS, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp với qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, hôn nhân của O và ông T là trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, ông T, bà O có đăng ký kết hôn tại UBND xã PS, huyện CL, tỉnh BT theo đúng qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà O cho rằng về quan hệ hôn nhân của bà O với ông T đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông T đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng ông T vẫn không đến. Sau khi Tòa tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông T biết để ông có ý kiến phản hồi nhưng ông vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông T không quan tâm gì đến việc hôn nhân của ông bà. Mặc

khác, theo biên bản xác minh ngày 20/05/2022 thì mẹ của ông T đã xác định sau khi cưới bà O sống ở gia đình bà được 02 năm thì bỏ về sống cùng cha mẹ ruột ở TV, ông T có đến rước về nhưng bà O không về. Mặc dù, ông T vắng mặt nhưng Tòa án vẫn hòa giải, trao đổi với bà O để tìm ra nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, đồng thời yêu cầu bà O tạo điều kiện cho ông T cơ hội hàn gắn gia đình, nhưng bà O vẫn cương quyết ly hôn với lý do bà không còn tình cảm với ông T. Điều đó, càng cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà O và ông T đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà O là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà O và ông T có một người con chung tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 03/11/2015, hiện cháu N đang được bà O chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và ông T không có ý kiến gì về việc bà O nuôi con, cho nên việc giao cháu N cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng là không làm xáo trộn đến cuộc sống của cháu. Vì vậy, bà O yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà và ông T là có cơ sở để chấp nhận. Bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Tài sản và nợ chung: bà O cho rằng giữa bà và ông T không có tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ kiện cũng không có ai yêu cầu gì liên quan đến nợ chung giữa bà O và ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà O là có căn cứ pháp lý nên ghi nhận.

[6] Từ các căn cứ trên xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc nguyên đơn bà O phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim O được ly hôn với ông Phạm Văn T. Bà O và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 03/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim O được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà O và ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: bà O khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà O phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà O nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0006819 ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: bà O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã PS;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THỊ THÚY HẰNG